

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ của các đối tượng sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *"Thông tin khoa học và công nghệ"* là các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức khoa học và công nghệ (bao gồm khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn) được tạo lập, quản lý và sử dụng nhằm mục đích cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước hoặc đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong xã hội.

2. *"Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ"* là hoạt động nghiệp vụ về tìm kiếm, thu thập, xử lý, lưu trữ, phổ biến thông tin khoa học và công nghệ; các hoạt động khác có liên quan trực tiếp và phục vụ cho các hoạt động nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ.

3. *"Tài liệu"* là dạng vật chất ghi nhận những thông tin dưới dạng văn bản, âm thanh, đồ họa, hình ảnh, phim, video nhằm mục đích bảo quản, phổ biến và sử dụng.

4. *"Vật mang tin"* là phương tiện vật chất dùng để lưu giữ thông tin gồm giấy, phim, băng từ, đĩa từ, đĩa quang và các vật mang tin khác.

5. *"Nguồn tin khoa học và công nghệ"* bao gồm sách, báo, tạp chí, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập.

6. *"Tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ"* là đơn vị sự nghiệp thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Các hoạt động thu thập và xử lý các dữ liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin khoa học và công nghệ.

2. Quản lý, lưu giữ nguồn tin khoa học và công nghệ.

3. Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ trên cơ sở hợp đồng dịch vụ với các tổ chức, cá nhân.

4. Cung cấp các thông tin mang tính luận cứ để xây dựng các dự báo về tình hình phát triển khoa học và công nghệ, phục vụ hoạch định đường lối, chính sách quản lý khoa học và công nghệ các cơ quan Đảng, cơ quan quản lý nhà nước.

5. Cung cấp, trao đổi thông tin miễn phí theo chủ trương, chính sách của nhà nước nhằm tuyên truyền, phổ biến tri thức hoặc để hợp tác phát triển khoa học và công nghệ.

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

7. Hướng dẫn, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

8. Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp, chuyên đề và các trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

9. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

10. Tổ chức các hoạt động thư viện, hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ về khoa học và công nghệ, chợ công nghệ và thiết bị.

11. Hợp tác quốc tế về thông tin khoa học và công nghệ.

12. Các hoạt động khác về thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc chung của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan, đầy đủ và kịp thời trong các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; bảo đảm chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.

2. Bảo đảm khai thác, sử dụng và quản lý có hiệu quả thông tin khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin khoa học và công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Giữ bí mật các thông tin khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc do tổ chức, cá nhân yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Kết hợp chặt chẽ hoạt động nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ với hoạt động thư viện, lưu trữ, thống kê và các hoạt động thông tin đại chúng khác.

Điều 5. Khuyến khích hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, phát triển công nghệ cao; các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các chương trình mục tiêu quốc gia; các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, đối ngoại và các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước.

2. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ nhằm mục đích tuyên truyền, phổ biến tri thức khoa học và công nghệ cho người lao động, đồng bào vùng sâu, vùng xa; tạo điều kiện cho tổ chức và cá nhân có cơ hội dễ dàng tiếp cận thông tin khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức, tự bồi dưỡng trình độ khoa học và công nghệ.

3. Nhà nước khuyến khích các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đặc biệt là thông qua hợp đồng dịch vụ để phục vụ hoạt động tư vấn, chuyển giao, đổi mới công nghệ, mua bán sản phẩm khoa học và công nghệ và các hoạt động khác nhằm thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Lợi dụng các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ để xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

2. Lợi dụng các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây thiệt hại đến môi trường, sức khỏe con người, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

3. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao, chuyển nhượng bất hợp pháp thông tin, tư liệu về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Xuyên tạc thông tin khoa học và công nghệ, tạo thông tin khoa học và công nghệ giả; tiết lộ thông tin khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước.

5. Cản trở hoạt động thông tin khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chương II TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1 TỔ CHỨC DỊCH VỤ THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ công lập, bao gồm:
 - a) Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia;
 - b) Tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan nhà nước khác ở Trung ương;
 - c) Tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - d) Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ khác của Nhà nước;
 - đ) Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ của các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương của các đoàn thể.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ quy định tại các điểm b, c, d, đ, khoản 1 Điều này.

2. Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ do các hội, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các tổ chức khác thành lập.

Điều 8. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia

1. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối liên kết trung tâm của mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thực hiện chức năng thông tin, phổ biến, tuyên truyền về khoa học và công nghệ; tổ chức hoạt động và quản lý Chợ công nghệ và thiết bị Việt Nam, Thư viện trung ương về khoa học và công nghệ, mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia; thực hiện việc đăng ký chính thức các tài liệu, kết quả thực hiện các chương trình, đề tài, đề án, dự án nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ, điều tra cơ bản cấp Nhà nước, cấp Bộ.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia với các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Điều 9. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động, sáp nhập, chia tách hay giải thể các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động, sáp nhập, chia tách hay giải thể các tổ chức thông tin khoa học và công nghệ quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ áp dụng đối với các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

Điều 10. Quyền của tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

1. Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thuộc nội dung hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; thuê chuyên gia và cộng tác viên thu thập, xử lý thông tin khoa học và công nghệ.

2. Ký kết hợp đồng dịch vụ tiến hành các hình thức khác về khai thác, sử dụng thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Được mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm phát triển nguồn nhân lực thông tin khoa học và công nghệ.

4. Hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế để tiến hành hoạt động thông tin khoa học và công nghệ phù hợp với quy định của pháp luật; tham gia hoạt động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong nước và nước ngoài có liên quan đến lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ.

5. Công bố kết quả nghiên cứu về thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển nhượng kết quả hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

6. Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, các trang thông tin điện tử, cổng giao tiếp điện tử ở các ngành và các địa phương; kết nối và khai thác dịch vụ trên mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia trên cơ sở đăng ký (thông qua hợp đồng hoặc miễn phí) với Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

7. Được sử dụng các nguồn tài trợ, hiến tặng, cho của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

8. Được thu và sử dụng các khoản thu để bù đắp chi phí từ các hoạt động dịch vụ cung cấp thông tin khoa học và công nghệ.

9. Tự chủ về kế hoạch, tài chính và tổ chức, nhân sự theo quy định của pháp luật.

10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

1. Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến tri thức khoa học và công nghệ một cách rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân nhằm góp phần nâng cao dân trí, hình thành thói quen sử dụng thông tin khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ đã ký kết.

3. Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

4. Bảo vệ thông tin bí mật của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ (trừ trường hợp khách hàng đồng ý hoặc pháp luật có quy định khác).

5. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong tiếp cận thông tin về thành tựu, tri thức khoa học và công nghệ; bảo đảm chất lượng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ.

6. Không vi phạm những điều cấm quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

7. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là công nghệ Internet và kỹ thuật số trong các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu, thư viện điện tử về khoa học và công nghệ.

9. Thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 12. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Tổ chức tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ là tổ chức có tư cách pháp nhân, bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các hội, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác có chức năng thực hiện một số nội dung hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

2. Cá nhân tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Cá nhân có đăng ký kinh doanh, đăng ký hành nghề tư vấn mà trong hoạt động nghề nghiệp được phép tổ chức cung cấp dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định này;

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ theo chuyên môn, nghiệp vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Tổ chức và cá nhân có đăng ký kinh doanh, đăng ký hành nghề tư vấn nêu tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 12 của Nghị định này, khi tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đặt hàng, ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng dịch vụ và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của khách hàng; tiếp cận, trao đổi thông tin với tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

b) Thuê chuyên gia hoặc tự tổ chức thu thập, xử lý để khai thác, sử dụng kết quả hoạt động thông tin khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

c) Tự thành lập hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác thành lập, xác định nhiệm vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ cho tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ do mình thành lập; quản lý và chịu trách nhiệm về hoạt động tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia hoạt động thông tin khoa học và công nghệ nêu tại điểm b, khoản 2 Điều 12, khi thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của mình có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đề nghị tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin khoa học và công nghệ cung cấp đầy đủ, chính xác và cụ thể các yêu cầu về nội dung, khối lượng, chất lượng, thời gian đối với sản phẩm, dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ;

b) Thực hiện đúng nhiệm vụ thông tin khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giao và hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ đã được giao kết thuộc phạm vi trách nhiệm;

c) Được tham gia nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến khoa học và giải pháp công nghệ nhằm cải tiến, hoàn thiện quy trình, phương pháp chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả hoạt động thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

d) Được bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

đ) Bảo vệ bí mật của Nhà nước, của tổ chức, cá nhân trong khi tiến hành hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

e) Không vi phạm những điều cấm quy định tại Điều 6 của Nghị định này;

g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Mục 1

TẠO LẬP VÀ QUẢN LÝ NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Tăng cường thu thập và trao đổi nguồn tin khoa học và công nghệ nước ngoài

1. Tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ công lập phải chọn lọc, bổ sung các nguồn tin khoa học và công nghệ nước ngoài phù hợp với các hướng phát triển ưu tiên của đất nước.

2. Thực hiện việc điều hòa, phối hợp trong bổ sung các nguồn tin khoa học và công nghệ nước ngoài để tránh trùng lặp và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phối hợp bổ sung và khai thác, sử dụng nguồn tin khoa học và công nghệ nước ngoài được tạo lập bằng ngân sách nhà nước.

Điều 15. Thu thập và quản lý thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước

1. Tổ chức dịch vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ công lập thực hiện việc thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước đã và đang tiến hành.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn tổ chức và quản lý thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước.

Điều 16. Đăng ký, hiến tặng và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tất cả các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước, bao gồm các chương trình, đề tài, đề án, dự án, các nhiệm vụ điều tra cơ bản phải được đăng ký và lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Khuyến khích đăng ký, hiến tặng và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia và các cơ quan khác có thẩm quyền tại các Bộ, ngành, địa phương.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và thủ tục đăng ký, hiến tặng, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 17. Thu thập và quản lý luận văn sau đại học

1. Công dân Việt Nam và công dân nước ngoài bảo vệ học vị tiến sĩ tại Việt Nam, trước khi bảo vệ chính thức, phải nộp 01 bản luận văn kèm 01 bản tóm tắt cho Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

2. Công dân Việt Nam bảo vệ học vị tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ ở nước ngoài, khi về nước phải nộp 01 bản luận văn kèm 01 bản tóm tắt cho Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

3. Công dân Việt Nam và công dân nước ngoài bảo vệ học vị thạc sĩ tại Việt Nam, trước khi bảo vệ chính thức, phải nộp 01 bản luận văn kèm 01 bản tóm tắt cho cơ quan thông tin khoa học và công nghệ hoặc thư viện của cơ sở đào tạo. Công dân Việt Nam bảo vệ học vị thạc sĩ khoa học ở nước ngoài, khi về nước phải nộp 01 bản luận văn kèm 01 bản tóm tắt cho cơ quan thông tin khoa học và công nghệ hoặc thư viện nơi cử đi đào tạo.

Mục 2

DỊCH VỤ THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 18. Dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

1. Dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ là một loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ bao gồm dịch vụ thông tin công ích và dịch vụ thông tin có thu. Dịch vụ thông tin công ích được cung cấp miễn phí hoặc mức phí thấp do ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần. Dịch vụ thông tin có thu được cung cấp theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thông qua hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. Dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ được tiến hành dưới các hình thức sau đây:

a) Phổ biến thông tin chọn lọc;

b) Cung cấp tài liệu phân tích, tổng hợp thông tin khoa học và công nghệ theo chuyên đề;

c) Cung cấp bản sao, bản dịch tài liệu, dữ liệu về khoa học và công nghệ;

- d) Tra cứu và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ trên mạng;
- đ) Tổ chức triển lãm, chợ công nghệ và thiết bị;
- e) Các hình thức dịch vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 19. Hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

1. Hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ có thể được giao kết bằng văn bản hoặc thông qua chứng thư điện tử.

2. Hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ, tài khoản của các bên tham gia hợp đồng;
- b) Tên của hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ; các sản phẩm của hợp đồng;
- c) Địa điểm, thời hạn, phương thức thực hiện hợp đồng;
- d) Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;
- đ) Giá trị và phương thức thanh toán hợp đồng;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của bên đặt hàng cung cấp dịch vụ

1. Sử dụng, chuyển giao kết quả của hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ theo thoả thuận trong hợp đồng.

2. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng.

3. Thanh toán đầy đủ chi phí vật chất cho bên nhận đặt hàng theo thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận đặt hàng

1. Yêu cầu bên đặt hàng cung cấp thông tin và những điều kiện khác theo thoả thuận để thực hiện hợp đồng.

2. Nhận kinh phí của bên đặt hàng để thực hiện hợp đồng.

3. Giao nộp sản phẩm theo đúng quy định của hợp đồng.

Điều 22. Quyền lợi của người môi giới dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ

Người môi giới dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ được hưởng thù lao theo thoả thuận nhưng không quá 10% giá thanh toán của hợp đồng. Mức cụ thể và trách nhiệm thanh toán khoản thù lao này do các bên thoả thuận.

Điều 23. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Tranh chấp hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ được giải quyết trước hết theo nguyên tắc hoà giải, thoả thuận giữa các bên. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì giải quyết tại Tòa án nếu không có thoả thuận về trọng tài.

Chương IV

CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Cơ chế tài chính

1. Ngân sách nhà nước hàng năm dành cho việc hỗ trợ phát triển hoạt động thông tin khoa học và công nghệ bao gồm kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và vốn đầu tư phát triển.

2. Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được ưu tiên sử dụng vào các mục đích sau:

a) Tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý nhà nước; tuyên truyền, phổ biến thành tựu, tri thức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi vùng sâu, vùng xa.

3. Khuyến khích các đơn vị tăng cường nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ, các giao dịch khoa học và công nghệ khác.

4. Đa dạng hoá các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Điều 25. Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật

Các Bộ, ngành, địa phương có kế hoạch đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng hiện đại hoá cho tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ của mình.

Điều 26. Đào tạo, phát triển và sử dụng nhân lực

1. Kế hoạch đào tạo nhân lực thông tin khoa học và công nghệ là một phần kế hoạch đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng nhân lực thông tin khoa học và công nghệ có trách nhiệm bố trí, sử dụng đúng năng lực, sở trường và tạo điều kiện thuận lợi để họ nâng cao trình độ, phát huy khả năng chuyên môn vào việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 27. Chính sách thuế, tín dụng, giá cước bưu chính và viễn thông

1. Các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ được hưởng các ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của Nhà nước đối với hoạt động khoa học và công nghệ.
2. Tài liệu, sách báo, tạp chí, tài liệu điện tử trực tiếp phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ nhập khẩu không phải chịu thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng.
3. Nhà nước có các chính sách hỗ trợ về giá cước bưu chính và viễn thông đối với hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, đặc biệt là hoạt động thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Điều 28. Hợp tác quốc tế trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế và liên doanh, liên kết về thông tin khoa học và công nghệ, tham gia các hội nghị, hội thảo, các mạng thông tin khoa học và công nghệ, các hiệp hội, tổ chức thông tin khoa học và công nghệ khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Nhà nước tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân hoạt động thông tin khoa học và công nghệ đẩy mạnh việc thu thập và phổ biến thông tin khoa học và công nghệ thông qua các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường nối mạng và trao đổi thông tin khoa học và công nghệ trong khu vực và quốc tế.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 29. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trong phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện một số dịch vụ công về thông tin khoa học và công nghệ.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và chỉ đạo tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

b) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền và chỉ đạo tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển và hiện đại hoá hệ thống thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

c) Ban hành, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và định mức kinh tế - kỹ thuật về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin khoa học và công nghệ cũng như hiệu quả đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; chỉ đạo việc phát triển và trao đổi các tiềm lực thông tin khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trong phạm vi toàn quốc;

đ) Chỉ đạo tổ chức xây dựng và quản lý Chợ công nghệ và thiết bị Việt Nam; thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thu thập và quản lý luận văn sau đại học;

e) Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ tiên tiến khác vào phát triển tiềm lực thông tin khoa học và công nghệ; tổ chức quản lý mạng thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, liên kết với các mạng thông tin khoa học và công nghệ trong nước, khu vực và quốc tế;

g) Chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

h) Chỉ đạo, quản lý tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

i) Chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

k) Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

l) Tổ chức xuất bản ấn phẩm chính thức của nhà nước về khoa học và công nghệ Việt Nam hàng năm và các ấn phẩm khác về khoa học và công nghệ; công bố danh mục và kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước.

Điều 30. Thẩm quyền và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ liên quan cân đối ngân sách cho các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ thực hiện chức năng quản lý tài chính theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ công lập.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ thông tin khoa học và công nghệ cấp đại học và sau đại học; quy định việc giao nộp luận văn sau đại học.

4. Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

5. Bộ Văn hoá - Thông tin phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và tăng cường hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến khoa học và công nghệ.

6. Bộ Bưu chính, Viễn thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể chế độ ưu đãi giá cước bưu chính và viễn thông đối với các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ; bảo đảm băng thông rộng cho các tổ chức dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện một số nội dung hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trong ngành, lĩnh vực được phân công.

Điều 31. Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin khoa học và công nghệ trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định hình thức và phương thức thích hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Điều 32. Khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động thông tin khoa học và công nghệ được khen thưởng, phong tặng các danh hiệu vinh dự Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động thông tin khoa học và công nghệ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại; cá nhân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo và thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá - Thông tin, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bưu chính, Viễn thông, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương,
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Học viện Hành chính quốc gia,
- Công báo,
- VPCP; BTCN, TBNC, các PCN, BNC,
Người phát ngôn của Thủ tướng,
các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu: KG (3b), Văn thư.

Phan Văn Khải đã ký